

Bản án số: 06/2021/HN&GD - ST
Ngày: 25/02/2021
*Về việc “Tranh chấp ly hôn
nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 331/2020/TLST – HN&GD ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX – ST ngày 13/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chi Nguyễn Thị H , sinh năm 1985

ĐKHKT: xóm Xuân Hà 3, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bí đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979

ĐKHKT: Xuân Hà 3, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
(có mặt chi H, vắng mặt T tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/11/2020, và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 2005, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm. Anh T không quan tâm đến gia đình, các con, cả hai không tìm được tiếng nói chung, gần nhau là xảy ra chuyện vợ chồng cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, đến tâm lý của các con. Do mâu thuẫn, anh chị đã ly thân tự năm 2019, hiện tại chị đang ở bên nhà ngoại thuộc xóm Đồng Đông, xã Thành Công. Vợ chồng không còn quan tâm đến việc níu

kéo vợ chồng về đoàn tụ nữa mà ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Trường có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng G , sinh ngày 06/12/2006 và cháu Nguyễn Quỳnh C , sinh ngày 26/01/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ, sau đó thì được bố mẹ tách hộ cho vợ chồng nhưng vẫn ở chung nhà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến chị Hậu đi làm công ty thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, trực trặc do chị H thường xuyên đi làm, không quán xuyến được việc nhà và cũng không mang kinh tế gì về cho gia đình, cho con cái. Do mâu thuẫn nên anh chị cũng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

Con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng G , sinh ngày 06/12/2006 và cháu Nguyễn Quỳnh C , sinh ngày 26/01/2010. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Hậu cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai trình bày nguyện vọng, cháu Nguyễn Hoàng G , cháu Nguyễn Quỳnh C đều có nguyện vọng nếu bố mẹ cương quyết ly hôn thì xin được ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị H .

Tại các phiên hòa giải đoàn tụ cả chị H và anh T đều nhất trí thỏa thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung, tài sản chung và các vấn đề khác của vụ án. Tuy nhiên, anh T không ký nhận các biên bản hòa giải, đề nghị đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn T có đăng ký nhân khẩu thường trú xóm Xuân Hà 3, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Trường theo thủ tục chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, do vậy KSV không tham gia phiên tòa.

[3] *Về thủ tục hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 15/12/2020 và 06/01/2021. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn đồng ý ly hôn nhưng không nhất trí ký biên bản hòa giải đề nghị được xét xử công khai. Do vậy, Tòa tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Thành Công, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) ngày 30/10/2006, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng có khúc mắc về kinh tế, dẫn đến mâu thuẫn cả về tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường cãi vã, ảnh hưởng đến không khí gia đình, tâm lý của các con. Anh T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Hậu đi làm công ty, không có thời gian chăm sóc cho chồng, cho con cũng như không mang kinh tế gì về cho gia đình. Anh chị đều nhận thấy từ những mâu thuẫn phát sinh dẫn đến việc anh chị đã ly thân hơn 1 năm nay và đều không có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng. Chị H xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết tại Tòa án, cả hai anh chị đều không có thiện chí hòa giải vợ chồng, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị đã không còn, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, cần chấp nhận cho anh chị được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng G , sinh ngày 06/12/2006 và cháu Nguyễn Quỳnh C , sinh ngày 26/01/2010. Chị H , anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh chị hoàn toàn là chính đáng, Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con trên thực tế, chị Hậu có công việc ổn định hơn. Hiện tại chị làm công nhân tại Công ty TNHH NEW ONE VINA, mức thu nhập trung bình từ ngày 01/7/2020 cho đến 27/11/2020 từ 6000.000đ đến 7.000.000đ/ tháng (sao kê tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – do chị Hậu cung cấp chứng cứ). Anh T tuy có nguyện vọng muốn nuôi con nhưng anh không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc nuôi con sẽ đảm bảo được đầy đủ những nhu cầu thiết yếu, cơ bản của con chung. Do vậy, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T . Bên cạnh đó, tại bản tự khai tại Tòa án, cháu G , cháu C đều có nguyện vọng

được ở cùng với mẹ. HĐXX xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H là có căn cứ, được chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của con chung theo quy định tại Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

[6]. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung*: không có, không đặt ra việc giải quyết.

[7]. *Án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

2. Về con chung: Giao cả hai con chung cháu Nguyễn Hoàng G , sinh ngày 06/12/2006 và cháu Nguyễn Quỳnh C , sinh ngày 26/01/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trường cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0005027 ngày 24/11/2020.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H , tại phiên tòa. Báo cho biết chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt anh T tại phiên tòa. Báo cho biết anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết kết công khai, hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công (nơi ĐKKH)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

